

Bài 5

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN LÃNH THỔ (tiếp theo)

I – MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

Biết được đặc điểm và ý nghĩa của hai giai đoạn Cổ kiến tạo và Tân kiến tạo trong lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ tự nhiên Việt Nam.

2. Về kĩ năng

– Đọc bản đồ Cấu trúc địa chất Việt Nam.

– Xác định được trên bản đồ các nơi đã diễn ra các hoạt động chính trong giai đoạn Cổ kiến tạo và Tân kiến tạo ở nước ta. Có khả năng nhận xét, so sánh giữa các giai đoạn và liên hệ với thực tế tại các khu vực ở nước ta.

3. Về thái độ

Nhìn nhận, xem xét lịch sử phát triển của lãnh thổ tự nhiên Việt Nam trên cơ sở khoa học và thực tiễn.

II – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– Bản đồ Địa chất, khoáng sản Việt Nam.

– Bảng Niên biểu địa chất.

– Các mẫu đá kết tinh, biến chất,...

– Các tranh ảnh minh hoạ về các mẫu khoáng vật, hoá đá, khai thác mỏ...

III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

Giai đoạn Cổ kiến tạo là giai đoạn có tính chất quyết định đến lịch sử phát triển của tự nhiên Việt Nam. Giai đoạn này diễn ra trong một thời gian khá dài (477 triệu năm), có nhiều biến động mạnh mẽ nhất trong lịch sử phát triển tự nhiên Việt Nam. Các điều kiện cổ địa lí của vùng nhiệt đới ẩm ở nước ta được hình thành và phát triển trong giai đoạn này.

Giai đoạn Tân kiến tạo là giai đoạn cuối cùng trong lịch sử hình thành và phát triển của tự nhiên nước ta. Đây là giai đoạn diễn ra ngắn nhất và chịu tác động của vận động tạo núi Anpơ – Himalaya và những biến đổi của khí hậu, cảnh quan tự nhiên của nước ta tiếp tục được hoàn thiện trong giai đoạn này.

IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

2. Giai đoạn Cổ kiến tạo

GV dạy tiếp theo hướng đã kẻ bảng hoặc dùng Phiếu học tập giống như bài 4, nêu một số câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời.

- Giai đoạn Cổ kiến tạo diễn ra vào những đại nào ?
- Thời gian diễn ra.
- Thời gian kết thúc cách đây bao nhiêu năm ?
- Đặc điểm khái quát trong giai đoạn này.
- Ý nghĩa của giai đoạn Cổ kiến tạo đối với thiên nhiên Việt Nam.

Sau khi một số HS trả lời, GV cho các HS khác nhận xét, bổ sung. GV chốt lại kiến thức chính và ghi lên bảng.

GV cũng có thể làm sẵn Phiếu học tập (kẻ sẵn bảng, ghi nội dung cần điền vào Phiếu học tập). Yêu cầu HS làm việc theo nhóm, thảo luận rồi điền vào Phiếu học tập và trình bày ý kiến của nhóm mình. GV chốt lại kiến thức cơ bản.

GV cần cho HS thấy được :

- Đây là giai đoạn có tính chất quyết định đến lịch sử phát triển của tự nhiên nước ta.
- Thời gian diễn ra là 477 triệu năm.
- Kết thúc cách đây 65 triệu năm.
- Đặc điểm khái quát :
 - + Diễn ra trong thời gian khá dài.
 - + Có nhiều biến động mạnh mẽ nhất trong lịch sử phát triển tự nhiên nước ta.
 - + Lớp vỏ cảnh quan địa lí nhiệt đới ở nước ta đã rất phát triển.
- Ý nghĩa của giai đoạn Cổ kiến tạo đối với thiên nhiên Việt Nam : Đại bộ phận lãnh thổ nước ta đã được định hình.

3. Giai đoạn Tân kiến tạo

Phương pháp giống như mục 2. Khi chốt lại kiến thức, GV cần chú ý :

- Đặc điểm quan trọng nhất của giai đoạn này là lãnh thổ nước ta chịu sự tác động mạnh mẽ của vận động tạo núi Anpơ – Himalaya mà tiêu biểu nhất là tạo nên dãy Hoàng Liên Sơn có đỉnh Phanxipăng – đỉnh núi cao nhất nước ta hiện nay. Các số liệu đo đạc hiện tại cho thấy các dãy núi cao Anpơ, Himalaya, Hoàng Liên Sơn vẫn tiếp tục được nâng lên.
- Là giai đoạn tiếp tục hoàn thiện các điều kiện tự nhiên làm cho nước ta có diện mạo và các đặc điểm tự nhiên như hiện nay.

KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA CHẤT VIỆT NAM

1. Địa tầng

Trên lãnh thổ Việt Nam có mặt các thành tạo trầm tích và trầm tích nguồn gốc núi lửa với thành phần thạch học, trình độ biến chất, nguồn gốc thành tạo và tuổi khác nhau thuộc các đại Thái cổ (Ackêôzôi), Nguyên sinh (Prôtêrôzôi), Cổ sinh (Palêôzôi), Trung sinh (Mezôzôi), và Tân sinh (Kainôzôi).

Các phân vị địa tầng Việt Nam được mô tả theo các khu vực : Đông Bắc, Việt Bắc, Tây Bắc, Mường Tè, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Các khu vực nói trên mang nội dung địa chất, không hoàn toàn trùng hợp với các khu vực địa lí thường gọi.

Tại lãnh thổ Việt Nam và các vùng lân cận có các đơn vị cấu trúc – kiến tạo chính sau :

– Các khối vỏ lục địa Tiền Cambri (khối Indôxini, khối Hoàng Sa, khối Hoàng Liên Sơn).

– Miền cố kết Palêôzôi sớm – giữa (đối Việt Bắc, đối Tây Bắc Bộ, đối Đông Bắc Bộ).

– Miền cố kết Palêôzôi giữa – muộn Việt – Lào (đối Đà Nẵng – Sê Pôn, đối Trường Sơn, đối Hà Tiên – Campôt).

– Miền cố kết Mêzôzôi sớm Đông Dương (đối Nậm U, đối Xrê Pôk, đối Tây Nam Bộ).

– Các miền trũng gới Mêzôzôi (Rift sông Đà, Rift sông Hiến, Rift An Châu, Rift Sầm Nưa, Rift An Khê, Rift Tú Lệ, địa hào Hòn Gai – địa hào Bảo Đài, địa hào Nông Sơn, đới rìa đông Đà Lạt).

– Các miền trũng Kainôzôi (các trũng sông hồ dọc các đứt gãy, các bồn tam giác châu và ven biển).

– Biển rìa Đông Việt Nam.

– Vành badan Kainôzôi Tây Nguyên.

2. Macma

Các thành tạo macma (xâm nhập, phun trào) trên lãnh thổ Việt Nam được phân chia ra 7 giai đoạn hoạt động chủ yếu : Ackêôzôi, Palêô – Mêsôprôterôzôi, Neôprôterôzôi, Palêôzôi sớm – giữa, Palêôzôi muộn – Mêzôzôi sớm, Mesôzôi muộn – Kainôzôi và Kainôzôi muộn.

Ngoài ra còn có các thể đai mạch chưa xác định được tuổi tuy có diện phân bố nhỏ nhưng có tiềm năng sinh khoáng rất lớn.

3. Khoáng sản

Trên lãnh thổ Việt Nam đã phát hiện được nhiều loại khoáng sản. Theo mục đích sử dụng chúng được chia thành các nhóm khoáng sản :

- Năng lượng : than antraxit, than nâu, đá phiến cháy, urani, thori, dầu mỏ, khí tự nhiên.
- Sắt, hợp kim sắt : sắt, crôm, coban, mangan, molipden, niken, vonfram.
- Kim loại cơ bản : antimon, đồng, chì, kẽm, thiếc, thủy ngân, asen.
- Kim loại nhẹ : nhôm, beri, titan.
- Kim loại quý : vàng, bạc, platin.
- Kim loại hiếm : tantan-niobi, đất hiếm, zircon.
- Hoá chất, phân bón : apatit, barit, florit, photphorit, pirit, than bùn.
- Sứ, gốm, thủy tinh chịu lửa, bảo ôn : sét gốm, đolômit, fenspat, quaczig, manêsit, cao lanh, cát thủy tinh,...
- Vật liệu xây dựng : sét gạch ngói, sét xi măng, cát xây dựng, cuội sỏi, đá phiến lợp, đá vôi xi măng, đá ốp lát.
- Nguyên liệu kỹ thuật : graphit, tan, asbet, muscovit, bentonit, thạch anh.

(Theo : *Tài nguyên khoáng sản Việt Nam* –
Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, 2000)